

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Hải Phòng, tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Nghĩa	Ủy viên
Ông Phạm Văn Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên
Ông Hồng Anh Việt	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Nghĩa	Giám đốc
Ông Hồng Anh Việt	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Nghĩa
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2017

Số: 133/2017/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 08 năm 2017, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Bình Minh

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0034-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.214.286.871	121.235.320.504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.863.710.227	8.518.130.215
1. Tiền	111	5	2.863.710.227	8.518.130.215
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.705.220.497	90.099.312.653
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	78.084.820.343	89.115.717.412
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.167.583.529	581.553.528
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	452.816.625	402.041.713
III. Hàng tồn kho	140	8	36.258.497.543	22.602.884.088
1. Hàng tồn kho	141		37.091.652.044	23.457.640.152
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(833.154.501)	(854.756.064)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		386.858.604	14.993.548
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		382.266.622	14.993.548
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	4.591.982	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.711.611.418	10.970.797.197
I. Tài sản cố định	220		11.711.611.418	10.970.797.197
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.711.611.418	10.970.797.197
- Nguyên giá	222		92.019.487.381	89.962.465.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.307.875.963)	(78.991.668.460)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		60.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.000.000)	(60.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		130.925.898.289	132.206.117.701

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		73.351.756.604	78.107.734.773
I. Nợ ngắn hạn	310		73.351.756.604	78.107.734.773
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	29.703.396.165	34.141.156.911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		85.838.034	61.082.317
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	868.939.689	595.354.059
4. Phải trả người lao động	314		2.223.157.134	8.609.144.025
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		62.250.167	468.351.462
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	14.227.273
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	10	3.400.745.308	3.451.815.762
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	34.360.386.886	27.720.324.093
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.647.043.221	3.046.278.871
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.574.141.685	54.098.382.928
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	57.574.141.685	54.098.382.928
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.120.400.000	30.120.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.120.400.000	30.120.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		63.200.000	63.200.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.004.189.037	3.004.189.037
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.892.889.571	18.639.245.382
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.017.704.320	2.017.704.320
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.475.758.757	253.644.189
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.475.758.757	253.644.189
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		130.925.898.289	132.206.117.701

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng



Hà Thúy Mai

Hoàng Kim Yên

Nguyễn Anh Nghĩa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B02a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	101.343.329.835	96.787.478.894
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		101.343.329.835	96.787.478.894
4. Giá vốn hàng bán	11	16	86.637.397.466	80.920.183.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.705.932.369	15.867.295.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.046.665	15.984.689
7. Chi phí tài chính	22	17	1.065.056.325	1.040.765.995
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.065.056.325	1.040.765.995
8. Chi phí bán hàng	25	18	1.102.862.528	1.691.757.189
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	8.575.891.314	7.678.608.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.973.168.867	5.472.149.147
11. Thu nhập khác	31	19	642.342.560	987.764.221
12. Chi phí khác	32	20	270.812.981	251.344.035
13. Lợi nhuận khác	40		371.529.579	736.420.186
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.344.698.446	6.208.569.333
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	868.939.689	1.241.713.867
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.475.758.757	4.966.855.466
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	14	1.154	1.649

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng



Hà Thúy Mai

Hoàng Kim Yến

Nguyễn Anh Nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B03a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.344.698.446	6.208.569.333
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.316.207.503	1.253.879.654
- Các khoản dự phòng	03	(21.601.563)	(13.499.968)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.046.665)	(15.984.689)
- Chi phí lãi vay	06	1.065.056.325	1.040.765.995
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.693.314.046	8.473.730.325
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.022.227.100	(2.789.760.938)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.634.011.892)	(5.192.123.665)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.311.136.901)	3.338.909.734
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.057.024.822)	(1.032.844.873)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(551.904.603)	(1.218.600.157)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(399.235.650)	(900.523.539)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.237.772.722)	678.786.887
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.057.021.724)	(72.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.046.665	15.984.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.045.975.059)	(56.015.311)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	53.503.387.389	62.001.645.279
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(46.863.324.596)	(59.992.459.853)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.735.000)	(2.939.529.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.629.327.793	(930.344.124)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.654.419.988)	(307.572.548)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.518.130.215	8.328.781.374
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.863.710.227	8.021.208.826

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng





Hà Thúy Mai

Hoàng Kim Yến

Nguyễn Anh Nghĩa

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (“Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0203001018 ngày 21 tháng 09 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 theo mã số doanh nghiệp là 0200600741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 04 năm 2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 06 tháng 10 năm 2016 vốn điều lệ của Công ty là 30.120.400.000 đồng, tương ứng 3.012.040 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BXH.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 3 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, kinh doanh bao bì các loại; kinh doanh nguyên vật liệu sản xuất bao bì; cho thuê văn phòng, kho, bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 27
Máy móc thiết bị	06 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 11
Thiết bị quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí thực tế phải trả, số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay; trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép và các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả khác, trong đó:

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;

Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả khác được ghi nhận dựa trên số tiền thực tế phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	189.410.911	201.415.129
Tiền gửi ngân hàng	2.674.299.316	8.316.715.086
Cộng	<u>2.863.710.227</u>	<u>8.518.130.215</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	140.795.250	9.319.560.250
Công ty Cổ phần Xi măng Điện Biên	9.623.866.768	8.074.216.768
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	51.229.070.388	58.381.412.412
Các khoản phải thu khách hàng khác	17.091.087.937	13.340.527.982
Cộng	<u>78.084.820.343</u>	<u>89.115.717.412</u>

Trong đó Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng là bên liên quan của Công ty.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	95.000.000	-	40.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	351.000.000	-	351.000.000	-
Các khoản phải thu khác	6.816.625	-	11.041.713	-
Cộng	<u>452.816.625</u>	<u>-</u>	<u>402.041.713</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.643.007.280	(833.154.501)	18.853.260.538	(854.756.064)
Công cụ, dụng cụ	114.629.081	-	57.543.981	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.191.839.297	-	1.763.252.613	-
Thành phẩm	8.628.765.586	-	2.007.928.892	-
Hàng gửi bán	1.513.410.800	-	775.654.128	-
Cộng	37.091.652.044	(833.154.501)	23.457.640.152	(854.756.064)

Trong kỳ hoạt động, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá đối với một số vật tư đã xuất kho phục vụ cho công tác sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.361.410.518	2.361.410.518	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	551.904.603	868.939.689	551.904.603	868.939.689
Thuế thu nhập cá nhân	43.449.456	-	48.041.438	(4.591.982)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.045.364.000	1.045.364.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	595.354.059	4.278.714.207	4.009.720.559	864.347.707
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu nhà nước	-			4.591.982
Thuế phải nộp nhà nước	595.354.059			868.939.689

10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	21.264.375	29.346.310
Bảo hiểm xã hội	2.392.679	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	132.140.602	152.140.602
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.012.040.000	3.022.758.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	232.907.652	247.570.350
Cộng	3.400.745.308	3.451.815.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	15.495.553.921	72.049.422.861	1.395.948.905	1.021.539.970	89.962.465.657
Mua trong kỳ	-	257.000.000	758.272.500	129.090.909	1.144.363.409
Tặng từ xây dựng cơ bản hoàn thành	-	835.208.515	77.449.800	-	912.658.315
Tại ngày 30/06/2017	15.495.553.921	73.141.631.376	2.231.671.205	1.150.630.879	92.019.487.381
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	10.998.344.018	65.842.813.165	1.395.948.905	754.562.372	78.991.668.460
Khấu hao trong kỳ	286.280.621	933.489.807	44.707.912	51.729.163	1.316.207.503
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	11.284.624.639	66.776.302.972	1.440.656.817	806.291.535	80.307.875.963
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	4.497.209.903	6.206.609.696	-	266.977.598	10.970.797.197
Tại ngày 30/06/2017	4.210.929.282	6.365.328.404	791.014.388	344.339.344	11.711.611.418
Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng	4.688.685.128	57.944.580.814	1.395.948.905	627.630.879	64.656.845.726

Một số tài sản của Công ty được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng, chi tiết tại thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
CN Công ty CP hoá chất vật liệu điện Đà Nẵng	-	-	7.019.512.500	7.019.512.500
Công ty CP Nhựa, Bao bì Ngân Hạnh	969.983.600	969.983.600	9.045.772.890	9.045.772.890
Công ty TNHH SX và TM Nhựa Việt Quang	7.482.090.820	7.482.090.820	2.337.999.912	2.337.999.912
Công ty CP Thương Mại Đầu tư Hưng Phước	-	-	3.710.015.265	3.710.015.265
Công ty TNHH Mai Nguyễn Logistics	5.272.485.395	5.272.485.395	-	-
Công ty TNHH SX và TM Đoàn Phong	4.543.078.731	4.543.078.731	7.372.031.024	7.372.031.024
Công ty TNHH Thành Dũng	3.702.054.382	3.702.054.382	1.778.411.880	1.778.411.880
Phải trả cho các đối tượng khác	7.733.703.237	7.733.703.237	2.877.413.440	2.877.413.440
Cộng	29.703.396.165	29.703.396.165	34.141.156.911	34.141.156.911
Phải trả người bán là bên liên quan				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	167.798.358	167.798.358	51.680.951	51.680.951
Cộng	167.798.358	167.798.358	51.680.951	51.680.951

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hồng Bàng (*)	34.360.386.886	34.360.386.886	53.503.387.389	46.863.324.596	27.720.324.093	27.720.324.093
Cộng	34.360.386.886	34.360.386.886	53.503.387.389	46.863.324.596	27.720.324.093	27.720.324.093

(*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng (*) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTĐHM/NHCT-166-BAOBI ngày 26/07/2016, hạn mức vay là 40 tỷ đồng, hạn mức vay trên đã bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTĐHM/NHCT-166-BAOBI ngày 20/07/2015 và các văn bản sửa đổi kèm theo, tại thời gian duy trì hạn mức là kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

07/07/2017, khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng, lãi suất được quy định trên giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HGPC/2011 ngày 05/09/2011, hợp đồng thế chấp tài sản số 02/HGPC/2011 ngày 19/08/2011, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TCHH-QĐN/BBXM-HB ngày 07/05/2015.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	30.120.400.000	63.200.000	3.004.189.037	15.384.606.844	2.320.315.399	465.173.249	51.357.884.529							
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	8.543.070.650							8.543.070.650
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.614.448.000)							(3.614.448.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.272.916.090	-	-	(5.484.345.880)							(2.211.429.790)
Điều chỉnh lại phân phối	-	-	-	(18.277.552)	(302.611.079)	344.194.170								23.305.539
Tại ngày 01/01/2017	30.120.400.000	63.200.000	3.004.189.037	18.639.245.382	2.017.704.320	253.644.189	54.098.382.928							
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.475.758.757							3.475.758.757
Trích lập các quỹ	-	-	-	253.644.189	-	-	(253.644.189)							-
Tại ngày 30/6/2017	30.120.400.000	63.200.000	3.004.189.037	18.892.889.571	2.017.704.320	3.475.758.757	57.574.141.685							

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty phân phối bổ sung lợi nhuận năm 2016 vào Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 19/NQ-ĐHĐCĐ/HPVC ngày 28/4/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/06/2017</u>	<u>Tỉ lệ</u>	<u>01/01/2017</u>	<u>Tỉ lệ</u>
	VND		VND	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	14.754.500.000	48,99%	14.754.500.000	48,99%
Vốn góp của các cổ đông khác	15.365.900.000	51,01%	15.365.900.000	51,01%
Cộng	<u>30.120.400.000</u>	<u>100%</u>	<u>30.120.400.000</u>	<u>100%</u>

Cổ phiếu

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.012.040	3.012.040
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.012.040	3.012.040
- Cổ phiếu phổ thông	3.012.040	3.012.040
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.012.040	3.012.040
- Cổ phiếu phổ thông	3.012.040	3.012.040
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.475.758.757	4.966.855.466
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.475.758.757	4.966.855.466
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.012.040	3.012.040
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.154</u>	<u>1.649</u>

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm vỏ bao	100.114.839.470	95.917.041.316
Doanh thu khác	1.228.490.365	870.437.578
Cộng	<u>101.343.329.835</u>	<u>96.787.478.894</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	60.798.863.640	59.480.224.716

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Giá vốn thành phẩm vỏ bao	86.290.451.920	80.672.550.746
Giá vốn dịch vụ	368.547.109	261.132.273
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.601.563)	(13.499.968)
Cộng	<u>86.637.397.466</u>	<u>80.920.183.051</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Lãi tiền vay	1.065.056.325	1.040.765.995
Cộng	<u>1.065.056.325</u>	<u>1.040.765.995</u>

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	8.575.891.314	7.678.608.201
Chi phí nhân viên quản lý	4.198.584.882	3.891.106.595
Chi phí vật liệu quản lý	168.325.703	170.653.363
Chi phí đồ dùng văn phòng	439.342.688	63.521.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.589.715	86.093.052
Thuế, phí và lệ phí	1.050.878.182	1.048.012.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.320.665	101.353.724
Chi phí bằng tiền khác	2.484.849.479	2.317.867.104
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	1.102.862.528	1.691.757.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	816.321.423	809.505.276
Chi phí bằng tiền khác	286.541.105	882.251.913
Cộng	<u>9.678.753.842</u>	<u>9.370.365.390</u>

19. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi	564.438.209	744.207.555
Thu kinh doanh dịch vụ	73.182.105	14.604.733
Thu nhập khác	4.722.246	228.951.933
Cộng	<u>642.342.560</u>	<u>987.764.221</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	55.800.000	1.103.249
Chi phí thu hồi phế liệu	169.331.463	223.262.266
Chi phí khác	45.681.518	26.978.520
Cộng	<u>270.812.981</u>	<u>251.344.035</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.391.995.683	72.060.099.749
Chi phí nhân công	14.125.427.111	12.884.687.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.316.207.503	887.681.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.357.804.025	3.858.367.428
Chi phí khác bằng tiền	3.822.268.766	4.434.347.484
Cộng	<u>110.013.703.088</u>	<u>94.125.183.721</u>

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.344.698.446	6.208.569.333
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.344.698.446	6.208.569.333
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>868.939.689</u>	<u>1.241.713.867</u>

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>30/06/2017</u> VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>01/01/2017</u> VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.863.710.227	8.518.130.215
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.442.636.968	89.517.759.125
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>81.306.347.195</u>	<u>98.035.889.340</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	34.360.386.886	27.720.324.093
Phải trả người bán và phải trả khác	32.847.576.767	37.316.056.013
Chi phí phải trả	62.250.167	468.351.462
Cộng	<u>67.270.213.820</u>	<u>65.504.731.568</u>

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/6/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 30/6/2017			
Các khoản vay	34.360.386.886	-	34.360.386.886
Phải trả người bán và phải trả khác	32.847.576.767	-	32.847.576.767
Chi phí phải trả	62.250.167	-	62.250.167
Tại 01/01/2017			
Các khoản vay	27.720.324.093	-	27.720.324.093
Phải trả người bán và phải trả khác	37.316.056.013	-	37.316.056.013
Chi phí phải trả	468.351.462	-	468.351.462

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 30/6/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.863.710.227	-	2.863.710.227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.442.636.968	-	78.442.636.968
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.518.130.215	-	8.518.130.215
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.517.759.125	-	89.517.759.125

24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty sở hữu 48,99% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là Tổng Giám đốc của Vicem Hải Phòng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Người giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

Kỳ này	Kỳ so sánh
VND	VND
Mua hàng	140.423.260
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	152.861.652
Thu nhập của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị	-
Ban giám đốc	345.903.300
Hội đồng quản trị	225.500.000
	288.141.900
	150.000.000

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

26. SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tài

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán.

Sổ liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2017



Người lập

(Handwritten signature)

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Hà Thúy Mai

Hoàng Kim Yên

Nguyễn Anh Nghĩa